

CHÍNH PHỦ

Số: 44/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH

Của chính phủ số 44-CP ngày 15 tháng 7 năm 1995 phê chuẩn điều lệ tổ chức và hoạt động của tổng công ty cà phê Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992; Căn cứ Khoản 1, Điều 27 của Luật Doanh nghiệp Nhà nước;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cà phê Việt Nam;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cà phê Việt Nam kèm theo Nghị định này.

Điều 2.- Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan căn cứ vào Điều lệ này để hướng dẫn thực hiện.

Điều 3.- Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm có trách nhiệm tiếp tục bàn với Ủy ban nhân dân các tỉnh, nhất là tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai để lập danh sách bổ sung đơn vị thành viên Tổng công ty Cà phê Việt Nam, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chậm nhất vào cuối tháng 10 năm 1995.

Điều 4.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Cà phê Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

	Võ Văn Kiệt (Đã ký)
--	-------------------------------

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của tổng công ty cà phê Việt Nam

(Được phê chuẩn kèm theo Nghị định số 44/CP ngày 15 tháng 7 năm 1995 của
Chính phủ)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Tổng công ty Công nghiệp Cà phê Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty) là doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lớn bao gồm các thành viên là doanh nghiệp hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp có quan hệ mật thiết về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, cung ứng, tiêu thụ, dịch vụ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị, hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu trong ngành Cà phê, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, phân công chuyên môn hoá và hợp tác sản xuất để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao; nâng cao khả năng và hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên của toàn Tổng công ty; đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

Điều 2.- Tổng công ty có:

- Tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam;
- Tổng công ty có tên giao dịch quốc tế là VIET NAM NATIONAL COFFEE CORPORATION, viết tắt là VINACAFE.
- Trụ sở của Tổng công ty đặt tại thành phố Hà Nội;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý và điều hành.
- Vốn và tài sản, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn do Tổng công ty quản lý;
- Con dấu; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng trong nước, ngoài nước;

7. Bảng cân đối tài sản, các quỹ tập trung theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 3.- Tổng công ty có nhiệm vụ thực hiện việc phát triển và kinh doanh cà phê theo quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành Cà phê của Nhà nước. Kết hợp phát triển kinh doanh các ngành nghề khác nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, khí hậu của vùng, lãnh thổ được giao theo quy định của pháp luật; chủ động trong công tác sản xuất, kinh doanh bao gồm xây dựng kế hoạch phát triển, chuẩn bị đầu tư, tạo nguồn vốn đầu tư và thực hiện đầu tư; cung ứng vật tư, thiết bị; trồng trọt, khuyến nông, giống cây trồng; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật; chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xuất nhập khẩu, hợp tác liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, phù hợp với luật pháp và chính sách của Nhà nước.

Điều 4.- Tổng công ty chịu sự quản lý Nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương với tư cách là các cơ quan quản lý nhà nước; đồng thời chịu sự quản lý của cơ quan này với tư cách là cơ quan thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

Điều 5.- Tổng công ty được quản lý bởi Hội đồng quản trị và được điều hành bởi Tổng giám đốc.

Điều 6.- Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam.

Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Chương 2:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

MỤC 1: QUYỀN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 7.-

1. Tổng công ty được giao và có quyền quản lý, sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác của Nhà nước giao theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được Nhà nước giao cho Tổng công ty trong từng thời kỳ.
2. Tổng công ty có quyền giao lại cho các đơn vị thành viên quản lý, sử dụng các nguồn lực mà Tổng công ty đã nhận của Nhà nước; điều chỉnh những nguồn lực đã giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn Tổng công ty.
3. Tổng công ty có quyền đầu tư, liên doanh liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
4. Tổng công ty có quyền chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty, trừ những thiết bị, nhà xưởng quan trọng theo quy định của Chính phủ phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; đối với đất đai, tài nguyên thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty thì thực hiện theo pháp luật tương ứng.

Điều 8.- Tổng công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh như sau:

1. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao;
2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị;
3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
4. Kinh doanh những ngành nghề phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường; kinh doanh những ngành nghề khác nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung;
5. Lựa chọn thị trường và thống nhất phân công thị trường giữa các đơn vị thành viên; được trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Nhà nước.
6. Quyết định khung giá hoặc giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, thống nhất giá xuất khẩu tối thiểu, giá nhập khẩu tối đa, trừ những sản

phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.;

7. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm, trên tổng doanh thu hoặc trên lợi nhuận trong khuôn khổ các định mức, đơn giá của Nhà nước;

8. Phân cấp việc tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật; quyết định mức lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở các đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm, hoặc chi phí dịch vụ và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

9. Được mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài của Tổng công ty ở Việt Nam; quyết định cử đại diện Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát, đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc và Giám đốc các đơn vị thành viên Tổng công ty ra nước ngoài do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Các chức danh khác trong Tổng công ty do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 9.- Tổng công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của Tổng công ty để phục vụ kịp thời các nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn, có hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các loại vốn, quỹ trái mục đích thì phải hoàn trả;

2. Tự huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu; được phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty tại Ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật;

3. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung, quỹ khấu hao cơ bản; tỷ lệ trích, chế độ sử dụng và quản lý các quỹ này được quy định trong Quy chế tài chính của Tổng công ty;

4. Tổng công ty được sử dụng phần lợi nhuận còn lại sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quy định và chia cho